

Hợp đồng thuê container, Container lease contract Là loại hợp đồng được ký kết giữa bên cho thuê (Lessor or container leasing company) và bên thuê hay bên sử dụng container (Lessee or container user). Nội dung hợp đồng bao gồm các điều khoản chung của một hợp đồng kinh tế trong đó có 4 vấn đề cơ bản:

1. Quy định giá thuê cho mỗi container/ngày hoặc mỗi container/tháng, trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng (Rental charge).
2. Quy định phí bảo vệ phòng ngừa thiệt hại (Damage protection plan premium): Người thuê trả phí này nhằm bù đắp tổn thất của container có thể xảy ra. Như vậy, người thuê có thể hoàn trả container hợp lệ cho công ty cho thuê theo thời hạn của nó.
3. Quy định mức hoán đổi container (Interchange ratio): Người thuê sẽ hoàn trả và thuê lại một số lượng container trong một tháng. Ví dụ: Mức hoán đổi container là 25%/tháng, có nghĩa là người thuê sẽ hoàn trả và thuê lại số lượng container phù hợp với tỉ lệ hoán đổi được quy định này, trong một tháng nào đó. Với quy định mức hoán đổi container được áp dụng chủ yếu trong loại hợp đồng thuê container có quy định số lượng thuê lại (Master lease).
4. Quy định lịch hoàn trả container (Geography table): xác định số lượng container, nơi hoàn trả trong 1 tháng và phí hoàn trả theo từng vùng tùy theo khu vực địa lý. Ví dụ: "Singapore 20 containers/tháng, phí hoàn trả 30 USD/đơn vị" có nghĩa là 20 containers có thể được hoàn trả tại Singapore trong 1 tháng kèm phí 30 USD cho mỗi container. Với quy định lịch hoàn trả container được áp dụng chủ yếu trong loại hợp đồng thuê container có quy định số lượng thuê lại và loại hợp đồng thuê container không xác định số lượng (Rate agreement). Hợp đồng thuê container chủ yếu có 4 loại: 1. Hợp đồng thuê chuyến (Trip lease): lấy chuyến vận chuyển làm cơ sở thuê và cho thuê container. Tùy yêu cầu của mình mà người sử dụng có thể thuê chuyến một (One way lease) hoặc chuyến đi và về (Round trip lease). Giá thuê chuyến thường xuyên biến động theo thị trường, thường thấp hơn giá của thuê tàu chuyến. 2. Hợp đồng thuê container không quy định số lượng (Rate agreement): loại này quy định giá thuê container cơ bản, không thay đổi trong suốt thời gian thuê, bất kể container nằm ở khu vực địa lý nào miễn là thuộc phạm vi quản lý được quy định của người cho thuê. Không quy định số lượng container bắt buộc ở 2 bên phía thời hạn mà tùy theo yêu cầu của người thuê và khả năng cung ứng của người cho thuê. 3. Hợp đồng thuê container có quy định số lượng thuê lại (Master lease): số lượng container thuê lại được xác định mà 2 bên phía thời hạn trong suốt thời gian thuê. Nếu người thuê vì phạm không thuê đủ số lượng thuê lại thì vận phí trả lại tiền thuê số lượng thuê lại thiếu hụt. 4. Hợp đồng thuê dài hạn (Long term lease): quy định người thuê sẽ dùng một số lượng container suốt thời gian thuê mà không được hoán đổi, không được hủy hợp đồng. Nếu có sự vì phạm hủy hợp đồng trước thời hạn thì người thuê phải trả tiền phạt. Các chủ tàu container thường áp dụng cách thuê này khi có yêu cầu tăng thêm số lượng container cần thiết cho kinh doanh chủ thêm. Ngoài ra, cách thuê và cho thuê dài hạn đôi khi còn được chia thành hợp đồng thuê mua (Purchase lease) hoặc hợp đồng thuê bán (Buy-off lease) nghĩa là người thuê dài hạn phải trả tiền thuê theo một giá cố định cho đến hết thời hạn thì số lượng container được thuê luôn quy định sẵn của người thuê.